

Ông Chế Đình Thông

NGƯỜI GÓP PHẦN XÂY DỰNG KINH ĐÔ HUẾ

■ Phan Xuân Thành

Họ Chế là một trong những dòng họ có nguồn gốc Chiêm Thành. Hiện nay, ở Thị xã Cửa Lò có 2 họ Chế, trong đó có họ Chế ở làng Thu Lũng, xã Nghi Thu, là dòng dõi con cháu của Chế Bồng Nga. Nhân vật tiêu biểu của họ Chế này là ông Chế Đình Thông, một người có nhiều đóng góp cho quê hương và xây dựng kinh đô Huế.

Ông Chế Đình Thông (còn gọi là Nguyễn Đình Thông) sinh ngày 14/10 năm Bính Thìn (1796), là con trai trưởng của Cai họp Chế Đình Khuê và bà Phạm Thị Bằng. “*Những người họ Chế này do Nguyễn Xi bắt được trong cuộc đánh nhau với Chăm Pa năm Thành Thái thứ 3 đời Trần Nhân Tông 1445*”⁽¹⁾. Sinh ra trong một gia đình tương đối khá giả, nên từ nhỏ ông Chế Đình Thông đã được cha mẹ cho ăn học tới nơi tới chốn. Lớn lên ông tinh thông cả Nho, Y, Lý, Số, là người khảng khái hay làm việc nghĩa. Nghiệp bút nghiên thì văn chương như bậc Thám hoa, nghề chữa bệnh thì miệng nói lời đạo Nho mà thông lâu y học. Ông là người có uy tín, được nhân dân kính trọng, nên làng xóm gọi ông là *Đầu mục* của dân trong suốt hơn 20 năm, từ năm 1821 đến năm 1843.

Năm 1821 niên hiệu Minh Mệnh thứ 2, ông được bầu làm xã trưởng. Lúc này, ông mới 20 tuổi. Độ tuổi còn trẻ nhưng đã đảm đương chức xã trưởng, chứng tỏ nhân dân tin nhiệm vào tài năng của ông.

Năm 1824 niên hiệu Minh Mệnh thứ 5, ông được bầu vào chức *Tri mục*. Ông là người rất chú trọng việc học hành của con em trong làng. Trải qua chiến tranh loạn lạc từ giai đoạn cuối nhà Hậu Lê đến đầu triều Nguyễn, việc cúng tế ở ấp Văn của làng đã bị bỏ từ rất lâu nên để khơi dậy tinh thần sùng Nho trọng đạo, khuyến khích sĩ tử rèn chí luyện tài, ông lập Văn hội, đốc thúc dân chúng lựa chọn vật liệu để xây văn chỉ, văn phong được đẩy lên từ đây. Văn chỉ là nơi thờ phụng thánh sư và các bậc khoa bảng tiêu biểu của làng, đồng thời là nơi để sĩ tử và văn thân trong làng sinh hoạt như hội họp, bình thơ, bình văn, khảo khóa học trò. Đây là việc làm rất có ý nghĩa, bởi văn chỉ là biểu tượng cho tinh thần hiếu học của cả làng và khát vọng vươn lên bằng con đường học vấn.

Năm 1828, niên hiệu Minh Mệnh thứ 9, ông được bầu làm *Chức dịch*. Năm 1829, niên hiệu Minh Mệnh thứ 10, ông được bầu làm *Xã chính*. Năm 1831, niên hiệu Minh Mệnh thứ 12, ông được tỉnh cấp bằng *Cai xã*, trách nhiệm là biên chép sổ sách, lập địa bạ, quy hoạch đất đai của làng.

Ông còn là người khai tâu xin triều đình ban cấp sắc phong thần cho các vị thần trong làng. Sắc phong thần bị cháy mất, qua nhiều lần trình bày với quan trên nhưng vẫn chưa được phong tặng lại. Niên hiệu Tự

Đức, ông trảy kinh đem mọi việc trình bày được ban tặng *Thuợng liệt*. Sau khi được cấp lại sắc phong cho thần, ông còn bỏ công sức và tiền của đốc suất dân chúng xây đình phụng thờ và lưu giữ. Trong thời gian làm đầu mục của dân, ông là người luôn mẫn cán, cương trực, công tư phân minh. Những công hiến của ông đối với quê hương đã góp phần làm nên một làng Thu Lũng phồn thịnh, trù phú nổi tiếng khắp vùng, nhân dân làng trên xóm dưới ai ai cũng đều được hưởng chung.

Đầu năm 1843, niên hiệu Thiệu Trị thứ 3, ông được tỉnh cấp bằng *Tượng mục* sung vào quan trường ở triều đình Huế. Con đường làm quan triều đình của ông bắt đầu từ đây. Ông được điều vào làm *Tượng mục* ở Cục Cứ tượng thuộc Bộ Công. Đây là công xưởng của triều đình chuyên sửa chữa và chế tác đồ gỗ để phục vụ công trình xây dựng cung đình, đền đài, lăng tẩm của nhà vua. Vì vậy, đây cũng là nơi tập trung nhiều người thợ khéo tay, lành nghề ở khắp miền đất nước. Nhờ có tay nghề cao, tô tượng kỹ nghệ, học thức uyên bác, chỉ sau một thời gian ngắn ông được thăng chức. Ngày 04/4 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844), theo đề xuất của Bộ Công, ông được triều đình sắc phong Chánh cụ phẩm *Tượng mục*. Ngày 26/4 năm Thiệu Trị thứ 5 (1845), ông được Bộ Công cấp bằng Quyền sai phó ty tượng, cai quản 1344 người thợ người Nghệ An. Đến năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), số thợ của cục tượng tăng lên 1386 người. Công việc quản lý lại vất vả thêm. Nhưng ông Chế Đình Thông vẫn điều hành tốt việc ở Ty. Năm 1850, ông lại được sắc phong Phó ty tượng Trật tòng tứ phẩm. Sắc phong ghi “*Sắc phong thí sai Phó ty tượng ở Cục Cứ tượng là Nguyễn Đình Thông nay đã mãn hạn, Bộ Công phúc tấu chuẩn bổ nhiệm người nhận chức Phó ty tượng trật phong Tứ phẩm ở Cục để đốc thúc mọi người*

trong cục theo cai quản các việc trong công vụ. Nếu mọi việc không siêng năng thì có pháp quân ở đây. Kính thay. Ngày 19/6 năm Tự Đức thứ 3”⁽²⁾. Chỉ 10 ngày sau chính thức được bổ nhiệm chức Phó ty tượng, Bộ Công xét thấy ông là người có nhiều kinh nghiệm, theo việc đã lâu, tô tượng kỹ nghệ nên xin cho được thăng chức Chánh ty tượng. Đến năm 1853 niên hiệu Tự Đức thứ 6, ông được sắc phong Chánh ty tượng hàm bát phẩm. Sắc phong nhà vua như sau: “*Nay Bộ Công đề bạt chuẩn người để nhận trật Chánh bát phẩm và chức Chánh ty tượng ở cục đó để đốc xuất mọi người theo cai quản việc làm ở công vụ. Nếu mọi việc không siêng năng thì đã có phép quân ở đây. Kính thay! Ngày 20/8 năm Tự Đức thứ 6 (1853)*”⁽³⁾.

Không phụ sự ủy thác của triều đình, suốt trong thời gian làm việc ở Cục Cứ tượng, ông tỏ ra chu toàn trong mọi công việc, không lãng phí từng đường cưa mục thước của anh em thợ. Vì thế mọi công việc đều trôi chảy, trong Cục không hề có phiền nhiễu. Ông được quan trên tín nhiệm và đồng sự trong Cục hết lời ca ngợi: “*Ông xử sự trong sáng thanh cao, với người khác thì luôn tràn đầy thiện ý, việc công bận rộn thì tự thân gánh vác. Nếu không đến nơi đến chốn thì chỉ bảo rõ ràng, những chỗ chưa được thì đưa vào nề nếp mà uốn nắn. Cho nên ai nấy đều giữ được mình mà không phạm lầm lỗi, ấy là ơn của ông vậy*”⁽⁴⁾.

Công việc ở Cục Cứ tượng đều là những việc nặng nhọc, nhiều khi lại phải gấp rút như việc xây lăng Thiệu Trị, từ khi khởi công đến khi hoàn thành chưa đầy 10 tháng nên đòi hỏi những người thợ phải cật lực. Hiểu được việc này, ông luôn giữ mình thanh khiết không bao giờ hạch sách cấp dưới, ông còn bàn với các quan trong Cục khoan thư sức người mà vẫn bảo đảm tiến độ, đồng thời làm văn bản xin cấp trên nói giảm công việc phục dịch trong Cục. Dân trong Cục khổ sở vì phu dịch, ông liền bàn bạc với Hiệp biện Nguyễn Toàn Phu giữ tiết và quán xuyên mọi việc, lại thêm văn bản xin được nói giảm cho dân.

Không chỉ công hiến cho triều đình, ông Chế Đình Thông còn là người nghĩa hiệp phóng khoáng. Gặp ai có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn, ông đều ra tay cứu giúp. Gặp năm mất mùa đói kém, ông bỏ tiền của ra quyên góp thóc lúa để cứu bản chúng tế cho dân. Ông thường giao lưu văn thơ, kết thân với nhiều văn nhân

nổi tiếng như Mã Phong tiến sĩ, thị độc họ Hồ; Lang trung Lê Lương Bạt, Lang Trung họ Phạm, Nam Sơn Thám hoa Nguyễn Đức Đạt, Ngự sử Nguyễn Năng Tĩnh, Cừ nhân Lê Xuân Huyền, Hương công Vương Tất Đăng. Vì thế các tầng lớp trí thức đương thời đều bày tỏ sự ngưỡng mộ kính trọng ông.

Ông còn có ý thức sưu tầm văn hóa cổ và các tri thức của tiền nhân. Ông lại giữ gìn thư tịch để lại cho con cái sách Nho, sách phong, sách thuốc, gia phả, sách ngoại hơn 300 cuốn. Đối với dòng họ, ông chú ý xây dựng họ Chế thành một dòng họ thế phiệt có tiếng trong vùng. Ông xây dựng nhà thờ để phụng sự Tổ tiên, sửa chữa các đồ tế khí. Hơn thế nữa, ông cho sưu tầm, cất giữ gia phả để con cháu đời sau biết được gốc tích của mình. Ông còn cho khắc những lời răn dạy về nguồn gốc dòng họ và ý nghĩa của việc thờ phụng lên bia đá để nhắc nhở con cháu không quên cội nguồn.

Về đời tư, ông kết duyên với bà Nguyễn Thị Nguyên là dòng dõi công thần. Bà là người có đủ tam tòng tứ đức. Ông bà sinh được 6 người con trai, 4 người con gái. Các con trai đều làm đến Đội trưởng tổng mục, Tổng hội chánh giám trường.

Ông mất vào ngày 05/12 năm Tân Dậu (1861), hưởng thọ 66 tuổi. Sau khi ông mất được triều đình ban thưởng thụy hiệu là *Sắc thụ trung tín hiệu ứng và thụy hiệu Dũng kiên*, con cháu và nhân dân trong lòng vô cùng thương tiếc. Khi ông qua đời, Bang biện tỉnh Nghệ An, Bố chánh Thanh Hóa, Gia nghị đại phu Lê Lương Bạt đã soạn văn bia ghi lại sự nghiệp và ca ngợi công lao của ông. "*Việc nghĩa cử chính là khiến cho người đời ai cũng được như ông. Được thế thì phong tục tốt đẹp của người xưa đâu xa xôi gì. Con cháu đời sau phần thịnh, há chẳng phải do đó sao*"⁽⁵⁾.

Nhà thờ họ Chế mặt ngoảnh về phía Tây Bắc, xây dựng thời Nguyễn, với diện tích 278m². Kiến trúc chữ Nhị bao gồm các công trình: Nhà Bái đường, Hậu đường và nhà

Bia. Nhà Bái đường có bức đại tự *Khánh Chế tân - Bảo Đại giáp Thân xuân trường chi đồng phụng cúng*. (Nhà thờ họ Chế phúc lành tốt đẹp. Mùa xuân năm Giáp Thân niên hiệu Bảo Đại (1944) trường chi kính tiến). Trong nhà thờ có đôi câu đối: "*Thu giang miếu vũ tân chi phái/ Cổ quốc hồng đồ cựu bản nguyên*". Nghĩa là: *Thu Giang miếu vũ chi phái mới/ Cổ quốc hồng đồ tộc họ Nguyễn*⁽⁶⁾.

Trong nhà thờ còn lưu giữ 3 sắc phong: Sắc phong năm Thiệu Trị thứ 4; Sắc phong năm Tự Đức thứ 3; Sắc phong năm Tự Đức thứ 6. Đặc biệt, nhà thờ họ Chế còn lưu giữ bia đá được lập năm Tự Đức thứ 17 (1864). Cả hai mặt của lòng bia đều khắc chữ Hán. Mặt trước khắc về sự nghiệp của ông Chế Đình Thông do quan bố chánh Thanh Hóa là Lê Lương Bạt soạn văn, Thám hoa Nguyễn Đức Đạt nhuận sắc. Mặt sau khắc vị hiệu của vợ chồng ông Chế Đình Khuê, vợ chồng ông Chế Đình Thông và ruộng đất hương hỏa. Hàng năm vào ngày rằm tháng Giêng âm lịch, con cháu các nơi vào lễ tế để tỏ tấm lòng thành kính với tiền nhân.

Ông Chế Đình Thông là người góp phần làm phong phú nền văn hóa xứ Nghệ. Thông qua những cư dân ở đây các tinh hoa tri thức Chăm đã được du nhập vào xứ Nghệ như kỹ thuật làm gốm, đóng thuyền đi biển, làm nước mắm, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Trước đây, người Việt chỉ sản xuất được vụ lúa mùa, sau nhờ du nhập giống lúa và kỹ thuật của người Chiêm Thành thường gọi là lúa Chiêm. "*Sự tiếp biến văn hóa Chăm đã được triển khai xây dựng trong đời sống vật chất tinh thần của người Việt lẫn người Chăm*"⁽⁷⁾. Có thể khẳng định rằng người Việt gốc Chiêm Thành trên đất Nghệ An thực sự là công dân của nước Việt, có nhiều cống hiến cho dân tộc Việt Nam chúng ta./

Chú thích:

- (1) *An Tĩnh cổ lục (Le Breton)*, NXB Nghệ An, Trung tâm ngôn ngữ Đông Tây, 2005, trang 99;
- (2) Sắc phong ngày 19/6 năm Tự Đức thứ 3 (1850);
- (3) Sắc phong ngày 20/8/1853 của vua Tự Đức;
- (4) Văn bia: Chánh ty Trung tín thiệu úy Quan bi ký. Lưu tại nhà thờ họ Chế xã Nghi Thu, thị xã Cửa Lò;
- (5) Văn bia lưu tại di tích;
- (6) *Câu đối xứ Nghệ*, Tập 2, NXB Nghệ An, 2005, trang 219.
- (7) PGS Cao Xuân Phổ, *Tiếp biến văn hóa Chăm*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo Việt Nam, 12/2007, trang 23.